

Số: 37 /BC-TĐHHT

BÁO CÁO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên cơ sở giáo dục đại học (trường): Trường Đại học Hà Tĩnh

Tên tổ chức KĐCLGD chịu trách nhiệm thẩm định và xác nhận: Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng

1. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm báo cáo)

	CEA xác nhận		
	Đúng	Sai	Ghi chú
1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: - Tên trường: Trường Đại học Hà Tĩnh - Sứ mệnh của Nhà trường được ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-TĐHHT ngày 09/12/2016 và được công bố trên trang thông tin điện tử của trường. + Sứ mệnh: Sứ mệnh: Tiên phong trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và nghề nghiệp tối đa cho người học và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của toàn xã hội. + Tâm nhìn: Trường Đại học Hà Tĩnh phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức khoa học, công nghệ, trung tâm giao lưu văn hóa và thúc đẩy hợp tác quốc tế, hữu nghị giữa các dân tộc trên toàn thế giới của tỉnh Hà Tĩnh, khu vực miền Trung, cả nước, trong khu vực và trên phạm vi quốc tế. Trường cung cấp dịch vụ giáo dục trọn đời, đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, đáp ứng nhu cầu đào tạo học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình, học để làm người, nhằm đào tạo nhân tài, đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, đảm bảo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho người học Việt Nam và quốc tế trên phạm vi toàn cầu.	X		

- Địa chỉ các cơ sở của Trường: + Trụ sở chính: Số 447, Đường 26-3, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh; + Cơ sở Cẩm Vịnh: Xã Cẩm Vịnh, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh; + Cơ sở Thạch Quý: Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh; + Cơ sở Xuân An: Thị trấn Xuân An, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh. - Địa chỉ trang thông tin điện tử: http://htu.edu.vn			
---	--	--	--

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại																
	ĐH									CĐSP							
	GD chính quy (Ghi rõ cả số nghiên cứu sinh - NCS, học viên cao học -CH, Sinh viên ĐH, CĐ)								GDTX		GD chính quy					GDTX	
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm ...	Cộng	CEA xác nhận	Tổng số	CEA xác nhận	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cộng	CEA xác nhận	Tổng số	CEA xác nhận	
Nhóm ngành I	545ĐH	480ĐH	327ĐH	319ĐH		1671ĐH	X	83	X		202	70	272	X	23	X	
Nhóm ngành II																	
Nhóm ngành III	374ĐH	441ĐH	414ĐH	269ĐH		1500ĐH	X	310	X								
Nhóm ngành IV	23ĐH	49ĐH	56ĐH	82ĐH		210ĐH	X										
Nhóm ngành V	79ĐH	84ĐH	78ĐH	73ĐH		314ĐH	X										
Nhóm ngành VI																	
Nhóm ngành VII	27ĐH	40ĐH	20ĐH	15ĐH		102ĐH	X										
Tổng	1050ĐH	1094ĐH	895ĐH	758ĐH		3797ĐH	X	393	X		202	70	272	X	23	X	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

Thông tin của năm tuyển sinh	CEA xác nhận		
	Đúng	Sai	Ghi chú
2.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đăng ký xét tuyển vào trường theo các phương thức: Xét tuyển kết quả thi THPTQG hoặc xét tuyển kết quả học tập THPT hoặc thi tuyển năng khiếu + xét tuyển 02 môn văn hóa.	X		
2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 2.598 - Chính quy: + Khối ngành I: 350 + Khối ngành III: 638 + Khối ngành IV: 231 + Khối ngành V: 204 + Khối ngành VII 265 - Liên thông CQ: + Khối ngành I: 110 + Khối ngành III: 100 + Khối ngành V: 50 - Bằng 2 CQ: + Khối ngành III: 50 + Khối ngành VII 50 - Liên thông VLVH: + Khối ngành I: 150 + Khối ngành III: 100 + Khối ngành V: 50 - Bằng 2 VLVH: + Khối ngành VII: 50 - VLVH: + Khối ngành III: 150	X		

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Thống kê tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	CEA xác nhận	Hình thức sử dụng (Ghi số diện tích vào ô tương ứng – m ²)					
				SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1	Tổng diện tích đất của trường, trong đó	906.771,43		906.771,43	X				
	Cơ sở 1: Số 447, Đường 26-3, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh;	48.135,00							
	Cơ sở 2: Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh; (gồm 2 Quyết định)	18.840,00							
	Cơ sở 3: Xã Cẩm Vịnh, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh	767.576,43							
	Cơ sở 4: Thị trấn Xuân An, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh (gồm 2 Quyết định)	72.220,00							
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường (bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại; thư viện, trung tâm học liệu; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng)	23.687,4		23.687,4	X				

3.1.2. Thống kê các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng phục vụ	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	CEA xác nhận	Hình thức sử dụng (Ghi số diện tích sàn xây dựng vào ô tương ứng – m ²)					
							SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1	Phòng thí nghiệm Vật lý (nhà học A2, CS1)	1	TN các nguyên lý vật lý	GV, NCS, SV	25	X	25	X				
2	Phòng thí nghiệm Hoá học (nhà TV-TB)	1	TN các phản ứng hoá học	GV, NCS, SV	85	X	85	X				
3	Phòng thí nghiệm Môi trường (nhà TV-TB)	1	Nghiên cứu khoa học môi trường	GV, NCS, SV	85	X	85	X				
4	Phòng thí nghiệm Xây dựng	1	TN sức bền vật liệu, máy xây dựng	GV, NCS, SV	125	X					125	X
5	Phòng thực hành Công nghệ thông tin (CS1: 3 phòng nhà TV-TB; CS3: 1 phòng nhà A1)	4	Thực hành kỹ năng Tin học	GV, HS-SV	200	X	200	X				
6	Phòng thực hành Nghe (CS1: 1)	1	Thực hành kỹ năng Nghe	HS-SV	50	X	50	X				

7	Phòng thực hành Múa (CS1: 1; CS3: 1)	2	Thực hành kỹ năng múa	HS-SV	100	X	100	X				
8	Phòng thực hành Nhạc cụ (đàn organ)	2	Thực hành kỹ năng đánh đàn Organ	HS-SV	100	X	100	X				
9	Phòng thực hành dinh dưỡng	1	Thực hành kỹ năng chế biến thức ăn	HS-SV	120	X	120	X				
10	Hội trường đa năng	1	Đồng diễn cho SV sư phạm	HS-SV	1458	X	1458	X				
11	Nhà tập đa năng	2	Giáo dục thể chất	HS-SV	650	X	650	X				
	Tổng cộng				2998	X	2873	X			125	X

3.1.3. Thống kê phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Loại phòng	Tổng số	CEA xác nhận	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	CEA xác nhận	Theo hình thức sử dụng (Ghi số diện tích sàn xây dựng vào ô tương ứng – m ²)					
						SH	CEA xác nhận	LK	CEA xác nhận	TH	CEA xác nhận
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ (CS1)	2		1455	X	1455	X				
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4		480	X	480	X				
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43		4800	X	4800	X				
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	61		3360	X	3360	X				
5	Số phòng học đa phương tiện	4		415	X	415	X				
6	Số thư viện	2		1713,5	X	1713,5	X				

7	Số trung tâm học liệu										
	Tổng cộng			12.409	X	12.409	X				

3.1.4. Thống kê về thư viện và trung tâm học liệu

T T	Nội dung	Tổng số	CEA xác nhận
1	Số phòng đọc	3	X
2	Số chỗ ngồi đọc	150	X
3	Số máy tính của thư viện	31	X
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử	10562 đầu sách, 70.738 cuốn, 1,2 triệu e-book, 16 loại đầu tạp chí	X
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	81	X

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
	Nhóm ngành I									
1	Nguyễn Hoài Sanh					1		X		
2	Bùi Thị Lợi				1			X		
3	Đào Thị Thuý				1			X		
4	Đậu Thị Hồng				1			X		
5	Nguyễn Thị Hồng Ninh				1			X		
6	Nguyễn Thu Hiền				1			X		
7	Trần Thị Kim Hiền				1			X		
8	Trần Thị Thúy				1			X		
9	Lê Thị Thái				1			X		
10	Nguyễn Văn Tịnh					1		X		
11	Lưu Thị Thu Hằng				1			X		
12	Nguyễn Thị Ánh Tuyết				1			X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
13	Nguyễn Thị Hải Yến				1			X		
14	Nguyễn Thị Lệ Hằng				1			X		
15	Trần Đình Quảng				1			X		
16	Trần Mai Phương				1			X		
17	Trần Thị Xoan				1			X		
18	Trần Thị Anh Thư				1			X		
19	Trương Thị Mai Hoa				1			X		
20	Bùi Thị Quỳnh Hoa			1				X		
21	Đặng Thị Hà			1				X		
22	Nguyễn Thị Phú			1				X		
23	Phan Anh					1		X		
24	Bùi Văn Hát				1			X		
25	Đặng Quốc Tuấn				1			X		
26	Đặng Thị Yến				1			X		
27	Hoàng Thị Tổ Nga				1			X		
28	Lê Thị Bích Ngọc				1			X		
29	Nguyễn Khánh				1			X		
30	Nguyễn Thị Cẩm				1			X		
31	Nguyễn Thị Ân				1			X		
32	Nguyễn Thị Hương Giang				1			X		
33	Nguyễn Văn Ân				1			X		
34	Nguyễn Văn Hoà			1				X		
35	Phan Đình Anh				1			X		
36	Trần Thị Ái Thi				1			X		
37	Lê Thị Bích Lam				1			X		
38	Đào Quốc Việt			1				X		
39	Lê Trí Dũng			1				X		
40	Nguyễn Gia Việt					1		X		
41	Hồ Thị Nga			1				X		
42	Đặng Thị Kiều Giang				1			X		
43	Lê Thị Thảo				1			X		
44	Nguyễn Thị Bích Hạnh				1			X		
45	Phạm Thị Kim Anh				1			X		
46	Lê Văn An					1		X		
47	Dương Thị Xuân Thìn				1			X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
48	Lê Thị Thu Hằng				1			X		
49	Lê Văn Hiền				1			X		
50	Nguyễn Thị Hải Anh				1			X		
51	Nguyễn Thị Minh Hưng				1			X		
52	Nguyễn Thị Sứ				1			X		
53	Nguyễn Thị Thành				1			X		
54	Nguyễn Thị Thanh Tâm				1			X		
55	Cao Thành Lê					1		X		
56	Đinh Văn Nam				1			X		
57	Lê Minh Quân				1			X		
58	Nguyễn Thị Huyền Trang				1			X		
59	Đinh Văn Phác				1			X		
60	Nguyễn Quốc Thắng	1				1		X		
61	Đậu Thị Kim Quyên				1			X		
62	Lê Đức Minh				1			X		
63	Tổng Thị Cẩm Lệ				1			X		
	Tổng của Nhóm ngành I	1	0	7	49	7	0	X		
								X		
	Nhóm ngành III							X		
64	Nguyễn Văn Đình		1			1		X		
65	Cao Thị Lệ Quyên				1			X		
66	Đặng Thị Kim Oanh				1			X		
67	Hồ Thị Vinh				1			X		
68	Hoàng Sỹ Nam				1			X		
69	Nguyễn Thị Dung				1			X		
70	Phan Thị Ái				1			X		
71	Phan Thị Phương Thảo				1			X		
72	Trương Thị Phương Thảo				1			X		
73	Hoàng Thị Oanh				1			X		
74	Lê Thị Thu Hoài				1			X		
75	Nguyễn Thị Kim Nhung				1			X		
76	Nguyễn Thị Thương				1			X		
77	Trần Nữ Hồng Dung				1			X		
78	Nguyễn Hữu Hiệp			1				X		
79	Nguyễn Thị Nền			1				X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
80	Nguyễn Thị Thanh Nhân					1		X		
81	Trần Thế Sơn				1			X		
82	Trần Thị Tú Anh				1			X		
83	Đinh Tiên Hoàng			1				X		
84	Trần Thu Thủy					1		X		
85	Bùi Minh Quỳnh				1			X		
86	Dương Quỳnh Lưu				1			X		
87	Đường Thế Anh				1			X		
88	Nguyễn Thị Hồng Tình				1			X		
89	Nguyễn Thị Phước				1			X		
90	Nguyễn Việt Chính				1			X		
91	Trương Thuận Yến				1			X		
92	Trần Thị Hương				1			X		
93	Nguyễn Đình Thọ	1				1		X		
94	Trần Mạnh Hùng					1		X		
95	Trần Thị Ái Đức					1		X		
96	Hoàng Ngọc Hà				1			X		
97	Lê Đăng Giáp				1			X		
98	Mai Như Ánh				1			X		
99	Nguyễn Thị Hồng Trang				1			X		
100	Nguyễn Thị Thanh Huyền				1			X		
101	Võ Thị Cẩm Hiếu				1			X		
102	Ngô Thị Hương Giang				1			X		
103	Trần Thị Bình			1				X		
104	Bùi Thị Quỳnh Thơ					1		X		
105	Lê Thị Quyên				1			X		
106	Lê Thị Thu				1			X		
107	Nguyễn Thị Kim Dung				1			X		
108	Nguyễn Thị Thương				1			X		
109	Trần Quốc Hưng				1			X		
110	Trần Thị Khánh				1			X		
111	Trương Quang Duẩn				1			X		
112	Đặng Thị Thanh Bình				1			X		
113	Phạm Xuân Cường				1			X		
114	Nguyễn Hoàng				1			X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bảng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
115	Lê Thị Tịnh			1				X		
116	Trần Thị Bích Nga				1			X		
117	Phạm Thị Hà An			1				X		
	Tổng của nhóm ngành III	1	1	6	41	7	0	X		
								X		
	Nhóm ngành IV							X		
118	Trần Viết Cường					1		X		
119	Biện Văn Quyền				1			X		
120	Lê Danh Minh				1			X		
121	Nguyễn Hữu Đồng				1			X		
122	Phan Thị Thanh Nhân				1			X		
123	Nguyễn Thị Thu Hà			1				X		
	Tổng của nhóm ngành IV	0	0	1	4	1	0	X		
	Nhóm ngành V							X		
124	Nguyễn Thái Nam				1			X		
125	Nguyễn Trọng Nam				1			X		
126	Nguyễn Sỹ Minh					1		X		
127	Lưu Thị Thủy				1			X		
128	Trần Ngọc Tuyền				1			X		
129	Trần Công Mậu				1			X		
130	Nguyễn Văn Thành					1		X		
131	Bùi Thị Thu Hoài				1			X		
132	Hồ Lê Phương Thảo				1			X		
133	Ngô Thị Kiều Hằng				1			X		
134	Nguyễn Đức Sử				1			X		
135	Nguyễn Quốc Dũng				1			X		
136	Lâm Xuân Thái					1		X		
137	Võ Văn Hùng				1			X		
138	Đặng Thị Thu Hiền				1			X		
139	Lê Văn Quang				1			X		
140	Trần Mạnh Hùng				1			X		
141	Nguyễn Châu Trinh				1			X		
142	Phan Văn Ý				1			X		
143	Nguyễn Trung Uyên				1			X		
144	Lê Thị Thu Trang			1				X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bảng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
145	Trần Thị Hoài Thanh			1				X		
	Tổng của nhóm ngành V	0	0	2	17	3	0	X		
								X		
	Nhóm ngành VII							X		
146	Đặng Thị Hồng Ngọc				1			X		
147	Đậu Thị Mai Phương				1			X		
148	Hà Văn Xuân				1			X		
149	Nguyễn Thị Hồng Thu				1			X		
150	Phan Thị Quyên				1			X		
151	Trần Hải Ngọc				1			X		
152	Trần Thị Hoa Mai				1			X		
153	Nguyễn Văn Thanh					1		X		
154	Hồ Thị Thuý Ngọc				1			X		
155	Nguyễn Thị Thu Thủy				1			X		
156	Trần Thị Dung			1				X		
	Tổng của nhóm ngành VII	0	0	1	9	1	0	X		
	GV các môn chung							X		
157	Đoàn Hoài Sơn					1		X		
158	Nguyễn Thị Bích Hằng					1		X		
159	Trần Anh Vũ				1			X		
160	Hoàng Diệp Anh				1			X		
161	Phạm Thị Tú Hằng				1			X		
162	Nguyễn Thị Thái Hoà				1			X		
163	Nguyễn Đình Nam				1			X		
164	Nguyễn Thị Hà				1			X		
165	Nguyễn Thị Thu Phương				1			X		
166	Phạm Huy Thông				1			X		
167	Phạm Thị Thanh Huyền				1			X		
168	Trần Nguyên Hào				1			X		
169	Trần Thị Mai Hương				1			X		
170	Lê Thị Hường				1			X		
171	Trần Thị Thái Hòa				1			X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
172	Ngô Tất Đạt				1			X		
173	Trần Thị Thiệu Hoa				1			X		
174	Nguyễn Thị Duyên				1			X		
175	Nguyễn Thị Hải Lý				1			X		
176	Nguyễn Thị Việt				1			X		
177	Nguyễn Văn Thành				1			X		
178	Nguyễn Viết Phú				1			X		
179	Phan Thị Dung				1			X		
180	Phan Thị Gấm				1			X		
181	Trần Dương				1			X		
182	Trần Trang Nhung				1			X		
183	Nguyễn Thị Đào				1			X		
184	Hoàng Thị Hoàn				1			X		
185	Trần Thị Việt Phương				1			X		
186	Võ Thị Mai Phương			1				X		
187	Phan Thị Nhân				1			X		
188	Phan Thị Thu Hương			1				X		
189	Nguyễn Anh Hải				1			X		
190	Nguyễn Công Viên				1			X		
191	Trần Minh Đức			1				X		
192	Lê Thị Hòa			1				X		
193	Phan Thị Cát Tường			1				X		
194	Lê Thị Thu Huyền			1				X		
195	Lê Xuân Ngộ			1				X		
196	Lưu Như Mạnh			1				X		
197	Nghiêm Sỹ Đồng			1				X		
198	Ngô Đăng Thuận			1				X		
199	Nguyễn Đình Tuấn			1				X		
200	Phan Anh Tuấn			1				X		
201	Phan Văn Trường			1				X		
202	Trần Ngọc Bản			1				X		

TT	Họ và tên	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất				CEA xác nhận		
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH	Đúng	Sai	Ghi chú
203	Trần Thị Thúy			1				X		
	Tổng số GV các môn chung	0	0	15	30	2	0	X		
Tổng số giảng viên toàn trường	203	2	1	32	150	21	0	X		
	CEA xác nhận	X	X	X	X	X	X	X		

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 5 năm 2017

T/M TỔ THẨM ĐỊNH



PGS. TS Đinh Thành Việt

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 5 năm 2017

PHIẾU TRƯỞNG



TS. Cao Thành Lê